TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 455/2019/HS-ST
Ngày: 15-11-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Triều

Bà Nguyễn Thị Nở

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phạm Thị Trúc Đào - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đào Công Lữ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 489/2019/HSST ngày 06 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5412/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Anh T, Sinh ngày: 17/11/1977 tại X; Thường trú: 22/127 A, phường B, quận C, Thành phố X; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: không; Giới tính: Nam; Cha: Phạm Đình Y, sinh năm: 1944; Mẹ: Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1952; Em: Phạm Thị E, sinh năm: 1981; Vợ: Vũ Thị R, sinh năm: 1983 (Đã ly hôn); Con: Phạm Vũ P, sinh năm: 2012; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giam từ ngày 11/8/2017. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Y1, sinh năm 1969; Hộ khẩu thường trú: 30/37 A1, phường B1, quận C1, Tp. X. (Vắng mặt)

Người bào chữa: Ông Trịnh Bá X – Luật sư Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Phạm Anh T. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ 30 phút, ngày 11/8/2017, tại trước nhà số 341/3 A2, Phường B2, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (PC04) - Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp công an Phường B2, Quận C2 kiểm tra bắt quả tang Phạm Anh T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ trong túi quần T đang mặc 01 gói nylon chứa chất bột dạng vón cục màu xanh lá cây, qua giám định là ma túy ở thể rắn, loại Ketamine, khối lượng 24,2935g. Quá trình bắt giữ T có Trần Bích N đi cùng nên mời về làm việc.

Lúc 14 giờ ngày 12/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC04) - Công an Tp. Hồ Chí Minh tiến hành khám xét căn nhà số 341/3 A2, Phường B2, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh (do thu được 02 chìa khóa cửa nhà hiệu Fastro18 trong túi quần của T), thu giữ: 06 gói nylon chứa 3.000 viên nén màu xanh, khối lượng 1.055,59g, loại MDMA; 01 gói nylon chứa 65 viên nén hình tròn màu xanh nhạt in hình con bướm, khối lượng 20,0265g, loại MDMA; 01 gói nylon chứa 190 viên tròn màu xanh đậm có khối lượng 8,1984g loại 2C-B; 08 gói nylon chứa thảo mộc cỏ khô, tinh thể không màu, chất bột màu trắng không tìm thấy ma túy và tiền chất.

Lúc 15 giờ ngày 14/8/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC04) - Công an Tp. Hồ Chí Minh tiến hành khám xét nơi ở của Trần Bích N tại số 6E chung cư E, số 21-23 A3, Phường B3, Quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá trên đầu nỏ thủy tinh có chứa chất tinh thể không màu qua giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,2421g loại MA, 1,944 tỷ đồng tiền Việt Nam và 01 cuốn sách. Khi khám xét có Nguyễn Quốc T1 nên mời về làm việc.

Tất cả số ma túy thu giữ đã được trưng cầu giám định kết quả thể hiện tại Kết luận giám định số 1407/KLGĐ-H ngày 22/8/2017, 1413/KLGĐ-H ngày 22/9/2017, 1416/KLGĐ-H ngày 28/8/2017, 3175/KLGĐ-H ngày 09/10/2017 của Phòng KTHS – Công an Tp. Hồ Chí Minh (Bút lục số: 55-66).

Quá trình điều tra Phạm Anh T khai: ngày 05/8/2017, T cùng Trần Bích N (sống như vợ chồng) vào Thành phố Hồ Chí Minh làm thụ tục đi xuất khẩu lao động tại Nhật. Khi vào đến nơi T nghe bạn tên Thế Anh ở X (không rõ lai lịch) nói có căn nhà số 341/3 A2, Phường B2, Quận C2 cần bán giá 3 tỷ đồng nhờ T môi giới bán giúp. Ngày 11/8/2017, T cùng N đến căn nhà trên nhưng chưa vào nhà thì bị công an bắt, thu giữ gói thuốc nam trị đau bao tử do T mua ở nhà thuốc I, X giá 250.000 đồng, sau đó mới biết là ma túy. Qua điều tra, xác minh ông Nguyễn Minh D (chủ nhà thuốc I) khai Nhà thuốc của ông không bán thuốc trị đau dạ dày và các gói thuốc được hàn bằng nến không giống với gói ma túy thu giữ của T. Đối với số ma túy thu giữ trong nhà số 341/3 A2, T không biết của ai. Chiếc chìa khóa mở được khóa căn nhà trên T khai dùng để mở cửa căn nhà của ba mẹ T ở số 22/127 A, phường B, quận C, Tp. X và không biết tại sao

mở được khóa căn nhà 341/3 A2. Qua xác minh tại Công an phường B, nhà số 22/127 đường A thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Đình T2 (cha mẹ T), bà L ông T2 khai trước đây T có sử dụng ma túy từ năm 2013, trước tháng 03/2017 ông bà L có giao chìa khóa cửa hiệu "VIET TIEP" cho T mở cửa sử dụng, sau đó, T không về nhà nên ông bà L thay ổ khóa khác. Tiến hành cho nhận dạng chìa khóa thu giữ của T vào ngày 11/8/2017, ông T2 và bà L xác định không phải chìa khóa cửa đã giao cho T trước đây.

Trần Bích N khai sống chung như vợ chồng với Phạm Anh T, ngày 05/8/2017, N cùng T vào Thành phố Hồ Chí Minh khám bệnh. Ngày 11/8/2017, N cùng T đi taxi đến nhà số 341/3 A2 để xem môi giới mua bán nhà nhưng chưa vào nhà được thì T bị kiểm tra thu giữ ma túy trong người như trên. N không biết gói thuốc trong người T là ma túy và cũng không biết số ma túy thu giữ trong nhà 341/3 A2 là của ai. Đối với Nguyễn Quốc T1 là bạn của T đến chơi ở phòng đối diện của N (phòng 6E chung cư E), dụng cụ sử dụng ma túy thu trong phòng T1, N không biết của ai. Tuy nhiên, T1 khai quen N từ năm 2015, đến tháng 7/2017, T1 đến ở nhà N tại chung cư E nhưng T1 cũng không rõ bộ dụng cụ sử dụng ma túy trong phòng là của ai, có từ khi nào.

Bà Trần Thị K và Đoàn Thị D là người láng giềng với căn nhà 341/3 A2, Phường B2, Quận C2 xác nhận đã nhìn thấy T và N nhiều lần đến ngôi nhà 314/3 A2, trong đó khoảng 16 giờ ngày 11/8/2017, K và D thấy T và N vừa đến căn nhà trên khoảng 20 phút sau đó đi ra ngoài thì nghe bị công an bắt giữ. Bà K khai trước đây là chủ sở hữu căn căn nhà 314/3 A2, nhưng sau đó cầm cố cho ông Trần N H (sinh năm 1961, ĐKTT: 240/A A5, phường B5, Quận C5, Thành phố Hồ Chí Minh) do không có tiền trả nên bà K đã làm giấy tờ chuyển quyền sở hữu cho ông H, sau đó ông H bán lại cho người khác hiện nay bà K đang khởi kiện tranh chấp tại Tòa án Quận C2, căn nhà trên bỏ hoang, thỉnh thoảng có người lạ đến rồi đi. Ông H khai sau khi mua căn nhà trên của bà K đã bán lại cho Trịnh Hồng P1 (sinh năm 1977, ĐKTT: 756/78/21 A6, Phường B6, Quận C6, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 26/7/2017, ông đã nhận tiền cọc và giao chìa khóa nhà cho ông P1. Ông P1 khai sau khi nhận nhà có đến xem một lần và đã đăng báo bán lại kiếm lời, đồng thời P1 giao 04 bộ chìa khóa cửa trên cho 04 người làm dịch vụ mua bán nhà (không rõ lai lịch) để họ giới thiệu khách đến xem nhà, từ đó đến nay ông P1 không đến căn nhà trên. Do đó, ngoài lời khai của bà Trần Thị K và Đoàn Thị D và 02 chìa khóa thu giữ được của Phạm Anh T không có chứng cứ nào khác buộc T phải chịu trách nhiệm với khối lượng ma túy thu giữ tại căn nhà 341/3 A2, Phường B2, Quận C2 nên Cơ quan quan Cảnh sát điều tra - Công an Tp. Hồ Chí Minh đã ra quyết định tách vụ án để tiếp tục điều tra xử lý.

Đối với Trần Bích N, Nguyễn Quốc T1 do không liên quan đến hành vi phạm tội của Phạm Anh T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý.

* Vật chứng vụ án: (đã được liệt kê tại Phiếu nhập kho vật chứng số 430/PNK/17 ngày 11/12/2017, 122/PNK/2018 ngày 06/4/2018, 173/PNK ngày

31/5/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC04) và Phòng Cảnh sát Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp (PC10) - Công an thành phố Hồ Chí Minh (BL: 255, 265-270c), gồm:

- 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 1407/17 có chữ ký của giám định viên Đại úy Nguyễn Xuân S và cán bộ điều tra Trần Xuân T3. Bên trong là mẫu vật còn lại sau khi giám định.

- 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 1416/17 có chữ ký của giám định viên Thượng úy Lê Thị H1 và cán bộ điều tra Trần Xuân T3. Bên trong có 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá và mẫu vật tinh thể không màu trong đầu nỏ bộ dụng cụ sử dụng ma túy còn lại sau khi giám định.

- 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số 3175 ngày 25 tháng 9 năm 2017 có chữ ký của người chứng kiến Bùi Thúy H2 và giám định viên Trần Thị T4. Bên trong là mẫu vật còn lại sau khi giám định.

- 01 (một) thùng giấy được niêm phong bên ngoài ghi vụ số 1413/17/Gói 1 có chữ ký của giám định viên Thượng úy Lê Thị H1 và cán bộ điều tra Trần Xuân T3. Bên trong là mẫu vật còn lại sau khi giám định.

- 01 (một) thùng giấy được niêm phong bên ngoài ghi vụ số 1413/17/Gói 2 có chữ ký của giám định viên Thượng úy Lê Thị H1 và cán bộ điều tra Trần Xuân T3. Bên trong là mẫu vật còn lại sau khi giám định.

- 01 (một) phong bì giấy được niêm phong bên ngoài có chữ ký của bị can Phạm Anh T. Bên trong là 01 ổ khóa bằng kim loại và 01 chùm chìa khóa có 02 chìa bằng kim loại thu giữ của Phạm Anh T.

- 01 chai nhựa hiệu Aquafina chứa dung dịch màu xanh, 02 chai nhựa hiệu Aquafina chứa dung dịch màu vàng và 01 chai nhựa hiệu Aquafina chứa dung dịch màu trắng đục được niêm phong bên ngoài ghi vụ 704/2018, có chữ ký của giám định viên Đại úy Trần Đình H3 và cán bộ điều tra Trần Xuân T4.

- 03 ống nhựa rỗng.

- 02 mẩu đầu thuốc lá hiệu Cravena.

- 01 (một) hộp giấy được niêm phong bên ngoài có chữ ký của Phạm Anh T, Trần Bích N và hình dấu Công an Phường B2, Quận C2. Bên trong có 01 lưỡi lam hiệu Dorco, 01 lưỡi lam hiệu Gillette, 02 mẩu đầu thuốc lá hiệu Cravena.

- 02 điện thoại di động hiệu Nokia và Iphone. T khai mua để sử dụng.

- 02 cân điện tử. T khai không biết của ai ở đâu mà có.

- 01 (một) valy màu xanh ghi hiệu Macat và 01 (một) túi xách màu đỏ ghi hiệu Macat thu giữ của Trần Bích Ngọ

- 01 (một) cuốn sách thu giữ của Trần Bích N.

- 01 (một) chùm chìa khóa 03 chìa thu giữ của Trần Bích N.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung thu giữ của Trần Bích N. N khai mua để sử dụng nên Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho N.

- Số tiền 1.994.000.000 đồng. Qua xác minh được biết bà Y1 (Sinh năm 1969; Hộ khẩu thường trú: 30/37 A1, phường B1, quận C1, Thành phố X, mẹ của Trần Bích N) là người khai chủ sở hữu số tiền trên. Bà Y1 khai ngày 12/8/2017 vào Tp. Hồ Chí Minh thăm Trần Bích N và ở tại Phòng 6E, Số 21 - 23 A3, chung cư E, Phường B3, Quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh, khi đi Y1 mang theo số tiền 1.994.000.000 đồng nhằm mục đích kinh doanh, trong đó 1.700.000.000 đồng là tiền Y1 vay từ em chồng Y1 tên Trần Thị H5 ngụ tại 44/37 A1, phường B1, quận C1, Tp. Hồ Chí Minh và 294.000.000 đồng là tiền cá nhân của Y1 để ở chung cư E sau đó bị công an khám xét thu giữ chờ xử lý theo quy định. Trần Thị H5 khai phù hợp với lời khai của Y1 về nguồn gốc số tiền bị thu giữ nêu trên. Hiện số tiền trên đã gửi vào tài khoản của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh tại Kho bạc Nhà nước Quận C2 chờ xử lý theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số 337/CTr-VKS-P1 ngày 23/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Phạm Anh T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm l, khoản 2, Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Anh T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và vật chứng thu giữ được tại người bị cáo, cũng như kết luận giám định là không oan sai, chỉ xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Riêng đối với khoản tiền 1.994.000.000 đồng thu giữ tại nhà thuê của bị cáo và Trần Bích N bị cáo không biết vì không phải tiền của bị cáo. Do đó bị cáo không có ý kiến gì đối với số tiền bị thu giữ và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ai chủ sở hữu trả theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố tại phiên tòa nêu quan điểm luận tội: Mặc dù tại cơ quan điều tra, bị cáo không thừa nhận khối lượng ma túy thu giữ trong người bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình giống như bản cáo trạng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng. Từ những chứng cứ được thu thập hợp pháp , được kiểm tra tại phiên tòa, như biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản niêm phong vật chứng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi, nhân thân và các tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo từ đó đã có đủ căn cứ kết luận: bị cáo Phạm Anh T có hành vi tàng trữ ma túy tría phép với khối lượng 24,2935g loại Ketamine. Vì vậy, bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi tàng trữ này. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm l, khoản 2, Điều 249; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Anh T từ 06 năm đến 07 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" .

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả số tiền 1.994.000.000 đồng cho bà Y1 do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và xử lý các vật chứng khác theo quy định pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Anh T trình bày: Thống nhất về tội danh truy tố bị cáo, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa và việc truy tố theo cáo trạng đã vận dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để xem xét theo hướng có lợi cho bị cáo là có căn cứ luật sư không có ý kiến. Tuy nhiên, số lượng ma túy thu giữ từ bị cáo 24,2935g, so với quy định tại điểm l, khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì số lượng ma túy tàng trữ từ 20gam đến dưới 100 gam là cơ sở xem xét ở mức lượng thấp cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, gia đình có công cách mạng cha ruột là ông Phạm Đình T2 được tặng thưởng bằng khen, huân chương kháng chiến. Từ những nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Trong phần đối đáp, đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo, luật sư vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, không bên nào đưa ra những tình tiết mới cần phải tranh luận đối đáp thêm.

Bị cáo Phạm Anh T chấp nhận lời bào chữa của luật sư, không tranh luận thêm. Lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét về tội danh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thu thập một cách khách quan, phù hợp với quy định của pháp luật và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản kết luận giám định, vật chứng cùng các tài liệu khác đã có đủ cơ sở kết luận nội dung vụ án: Vào lúc 17 giờ 30 phút, ngày 11/8/2017 tại trước nhà số 341/3 A2, Phường B2, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh, Phạm Anh T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy loại Ketamine, khối lượng 24,2935g thì bị bắt quả tang và thu giữ tại túi quần của bị cáo số ma túy trên. Mặc dù, quá trình điều tra bị cáo Phạm Anh T khai không biết đó là ma túy mà chỉ khai nhận là thuốc

trị bao tử bị cáo mua tại tiệm thuốc nam ở X để sử dụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận ma túy thu giữ từ túi quần trái của bị cáo như kết luận giám định với khối lượng 24,2935g là ma túy loại Ketamine và chịu trách nhiệm đối với số ma túy trên.

Với hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Anh T đã bị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội không oan sai.

[3] Trong vụ án này, bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy được cất giấu trong người nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về khối lượng ma túy bị thu giữ như bản kết luận giám định số: 1407/KLGĐ-H ngày 22/8/2017 của phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận ma túy ở thể rắn, có khối lượng 24,2935g loại Ketamine. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm l, khoản 2, Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ma tuý nói chung và Ketamine nói riêng là chất gây nghiện độc hại, việc sử dụng ma túy không chỉ gây thiệt hại về vật chất cho gia đình, xã hội mà còn làm huỷ hoại sức khỏe, làm mất khả năng lao động, học tập của người sử dụng. Đồng thời cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Vì vậy, đối với tội phạm ma tuý cần phải xử lý thật nghiêm khắc trước pháp luật.

[5] Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù tại cơ quan điều tra, bị cáo không thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, nhưng tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, bản thân chưa tiền án, tiền sự. Gia đình bị cáo có cha ruột là ông Phạm Đình T2 được tặng thưởng huân chương chiến công giải phóng hạng 3, huân chương kháng chiến hạng nhì. Từ đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo, đồng thời cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Từ những lập luận trên đây, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa.

Đối với ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử chấp nhận các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo mà Luật sư đã xuất trình.

[6] Đối với Trần Bích N, Nguyễn Quốc T1 do không liên quan đến hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Phạm Anh T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Căn cứ vào kết quả điều tra, xác minh đối với số lượng ma túy thu giữ khi khám xét tại căn nhà số 341/3 A2, Phường B2, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, đã ra quyết định số 539-13 ngày 18/7/2019 tách vụ án hình sự để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đối với nội dung này.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 1.994.000.000 đồng căn cứ vào kết quả xác minh, vào biên bản lời khai của bà Y1, bà Trần Bích N, bà Trần Thị H5 và lời khai của bị cáo. Cơ quan điều tra đã xác định khoản tiền thu giữ khi khám xét tại Phòng 6E, Số 21 - 23 A3, chung cư E, Phường B3, Quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh là của Y1. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bà Y1 về số tiền nêu trên là phù hợp với lời khai của Trần Bích N (người sống tại căn hộ), lời khai của bà Trần Thị H5 (là người cho bà Y1 mượn tiền), lời khai của bị cáo là phù hợp với nhau. Do số tiền 1.994.000.000 đồng, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Anh T, nên cần trả lại cho bà Y1 theo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

Đối với 02 (hai) điện thoại di động: Nokia, màu đen, kèm sim và 01 Iphone, kèm sim, model A1784, FCC IDBCGE 3092A, thu giữ của bị cáo Phạm Anh T, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 1407/17 có chữ ký của giám định viên Đại úy Nguyễn Xuân S và cán bộ điều tra Trần Xuân T3. Bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định, là vật lưu hành bất hợp pháp, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) phong bì giấy được niêm phong bên ngoài có chữ ký của bị can Phạm Anh T, luật sư X và kiểm sát viên Lữ, bên trong là 01 ổ khóa bằng kim loại và 01 chìa khóa có 02 chìa bằng kim loại; 02 (hai) mẫu đầu thuốc lá hiệu Cravena; 03 (ba) ống nhựa rỗng màu trắng đục; 01 (một) hộp giấy được niêm phong bên ngoài có chữ ký của Phạm Anh T, Trần Bích N và hình dấu Công an Phường B2, Quận C2, bên trong có 01 lưỡi lam hiệu Dorco, 01 lưỡi lam hiệu Dorco, 01 lưỡi lam hiệu Gillette, 02 mẫu đầu thuốc lá hiệu Cravena; 01 (một) chùm chìa khóa 03 chìa của Trần Bích N; 01 (một) valy màu xanh hiệu Macat; 01 (một) túi xách màu đỏ hiệu Macat; 01 (một) cuốn sách; 02 (hai) cân điện tử; 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 1416/17 có chữ ký của giám định viên Thượng úy Lê Thị H1 và cán bộ điều tra Trần Xuân T3. Bên trong có 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá và mẫu vật tinh thể không màu trong đầu nỏ bộ dụng cụ sử dụng ma túy còn lại sau khi giám định; 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số 3175 ngày 25 tháng 09 năm 2017 có chữ ký của người chứng kiến Bùi Thúy A3 và giám định viên Trần Thị B3. Bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 (một) thùng giấy được niêm phong bên ngoài ghi vụ số 1413/17/Gói 1 có chữ ký của giám định viên Thượng úy Lê Thị H1 và cán bộ

điều tra Trần Xuân T3. Bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 (một) thùng giấy được niêm phong bên ngoài ghi vụ số 1413/17/Gói 2 có chữ ký của giám định viên Thượng úy Lê Thị H1 và cán bộ điều tra Trần Xuân T3. Bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định; 03 (ba) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 704/2018, có chữ ký của giám định viên Đại úy Trần Đình Hải và cán bộ điều tra Trần Xuân Thành. Bên trong là mẫu vật còn lại sau khi giám định, là những vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án này, đồng thời cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định tách vụ án để tiếp tục điều tra xử lý nên cần chuyển số vật chứng trên cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 2; Điều 6 Luật phí, lệ phí; Điều 3; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm l khoản 2 Điều 249; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Anh T** 06 (sáu) năm tù, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2017.

Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bà Y1: Số tiền 1.994.000.000 (Một tỷ chín trăm chín mươi bốn triệu) đồng.

Trả lại cho bị cáo Phạm Anh T: 02 (hai) điện thoại di động: Nokia, màu đen, kèm sim và 01 Iphone, kèm sim, model A1784, FCC IDBCGE 3092A.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 1407/17 có chữ ký của giám định viên Đại úy Nguyễn Xuân S và cán bộ điều tra Trần Xuân T3. Bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định.

Chuyển giao số vật chứng dưới đây cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền: 01 (một) phong bì giấy được niêm phong bên ngoài có chữ ký của bị can Phạm Anh T, luật sư Huy và kiểm sát viên Lữ, bên trong là 01 ổ khóa bằng kim loại và 01 chìa khóa có 02 chìa bằng kim loại; 02 (hai) mẫu đầu thuốc lá hiệu Cravena; 03 (ba) ống nhựa rỗng màu trắng đục; 01 (một) hộp giấy được niêm phong bên ngoài có chữ ký của Phạm Anh T, Trần Bích N và hình dấu Công an Phường B2, Quận C2, bên trong có 01 lưỡi lam hiệu Dorco, 01 lưỡi lam hiệu Dorco, 01 lưỡi lam hiệu Gillette, 02 mẫu đầu thuốc lá hiệu Cravena; 01 (một) chùm chìa khóa 03 chìa của Trần Bích N; 01 (một) valy màu xanh hiệu Macat; 01 (một) túi xách màu đỏ

hiệu Macat; 01 (một) cuốn sách; 02 (hai) cân điện tử; 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 1416/17 có chữ ký của giám định viên Thượng úy Lê Thị H1 và cán bộ điều tra Trần Xuân T3. Bên trong có 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá và mẫu vật tinh thể không màu trong đầu nỏ bộ dụng cụ sử dụng ma túy còn lại sau khi giám định; 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số 3175 ngày 25 tháng 09 năm 2017 có chữ ký của người chứng kiến Bùi Thúy Hằng và giám định viên Trần Thị Thanh Thùy. Bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 (một) thùng giấy được niêm phong bên ngoài ghi vụ số 1413/17/Gói 1 có chữ ký của giám định viên Thượng úy Lê Thị H1 và cán bộ điều tra Trần Xuân T3. Bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 (một) thùng giấy được niêm phong bên ngoài ghi vụ số 1413/17/Gói 2 có chữ ký của giám định viên Thượng úy Lê Thị H1 và cán bộ điều tra Trần Xuân T3. Bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định; 03 (ba) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 704/2018, có chữ ký của giám định viên Đại úy Trần Đình Hải và cán bộ điều tra Trần Xuân Thành. Bên trong là mẫu vật còn lại sau khi giám định.

(Theo biên bản giao nhận tang vật tài vật số 16/20 ngày 09/10/2019; Giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.9059775.00000 ngày 15/8/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh gửi vào Kho bạc Nhà nước Quận C2)

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 2; Điều 6 Luật phí, lệ phí; Điều 3; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP. HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục Thi hành án dân sự; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người liên quan; (1)
- Luật sư; (1)
- Thi hành án hình sự; (1)
- Phòng PC 53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (25) (8)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hà